|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  Số: 124-4/KH-THPT THĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2021 - 2022**

**I. Đặc điểm tình hình**

***1. Số lớp – học sinh***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Tổng số học sinh | Học sinh nữ | Học sinh Dân tộc | Số lớp | Số học sinh/lớp |
| 10 | 845 | 519 | 12 | 19 | 44,5 |
| 11 | 861 | 453 | 14 | 19 | 45,3 |
| 12 | 860 | 449 | 12 | 20 | 43 |
| Tổng toàn trường | 2566 | 1419 | 40 | 58 | 44,2 |

***2. Tình hình đội ngũ:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV | Nhiệm vụ trong năm học 2021-2022 |
| 1 | Phạm Ngọc Trung Dương | Thạc sĩ | Tốt | - TTCM: Quản lý hoạt động chuyên môn chung của tổ Sinh – Công nghệ  - Nhóm trưởng chuyên môn Sinh học 11  - Giảng dạy môn Sinh học 11; 12  - GVCN lớp 11A1  - Bồi dưỡng Olympic 11 |
| 2 | Võ Thị Thu Hằng | Cử nhân | Tốt | - Thư kí tổ  - Giảng dạy môn Sinh học 10, 12 và Công nghệ 10 |
| 3 | Phan Thị Phú | Cử nhân | Tốt | - Nhóm trưởng chuyên môn Sinh học 12  - Giảng dạy môn Sinh học 11; 12  - GVCN lớp 12A13  - Bồi dưỡng học sinh giỏi 12 |
| 4 | Phan Thị Linh Giang | Thạc sĩ | Tốt | - Nhóm trưởng chuyên môn Sinh học 10 và Công nghệ 10  - Giảng dạy môn Sinh học 10, 12 và Công nghệ 10  - GVCN lớp 10A10  - Tổ trưởng Công đoàn  - Bồi dưỡng Olympic Sinh 10 |
| 5 | Nguyễn Hồng Thủy | Thạc sĩ | Tốt | Giảng dạy môn Sinh học 10, 12 và Công nghệ 10 |
| 6 | Trương Thị Tuyết Mai | Cử nhân | Tốt | - Giảng dạy môn Sinh học 10; 12  - GVCN lớp 10A12 |
| 7 | Vũ Thị Thùy Vân | Cử nhân | Tốt | - Giảng dạy môn Sinh học 11, 12  - Chủ nhiệm lớp 12A14  - Bồi dưỡng Casio 11 |
| 8 | Nguyễn Ngọc Sơn | Cử nhân | Tốt | - Giảng dạy môn Công nghệ 11; 12 |
| 9 | Phan Quang Thịnh | Cử nhân | Tốt | - Nhóm trưởng chuyên môn Công nghệ 11  - Giảng dạy môn Công nghệ 11; 12 |
| 10 | Phạm Quốc Mạnh | Cử nhân | Tốt | - TPCM: Quản lý hoạt động chuyên môn chung của nhóm Công nghệ  - Nhóm trưởng chuyên môn Công nghệ 12  - Chủ nhiệm lớp 11A11  - Giảng dạy môn Công nghệ 11; 12 và Nghề Tin học. |

***3. Thiết bị dạy học:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Bình tam giác 100ml | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 2 | Bộ can nhựa | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 3 | Bộ dụng cụ giâm chiết cành | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 4 | Bộ ống nghe nhịp tim & DC đo huyết áp | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 5 | Cân điện tử | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 6 | Chổi rửa ống nghiệm. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 7 | Cốc nhựa 250ml | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 8 | Cốc thủy tinh 100ml | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 9 | Cối chày sứ | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 10 | Chậu trồng cây 1 lít | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 11 | Dao (cắt thịt). | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 12 | Dao (trồng cây). | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 13 | Đèn cồn thí nghiệm. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 14 | Đĩa Petri nhựa d =90. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 15 | Đũa thủy tinh | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 16 | Giá để ống nghiệm | 08 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 17 | Giấy lọc d=125. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 18 | Giấy đo pH. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 19 | Huyết áp điện tử. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 20 | Kéo cắt cành | 08 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 21 | Kẹp ống nghiệm | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 22 | Kiềng nung Inox 3 chân | 08 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 23 | Kính hiển vi TQ | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 24 | Kính lúp d=60 | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 25 | Khay mổ | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 26 | Lam kính | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 27 | Lamen | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 28 | Lọ TTMH có nút liền ống nhỏ giọt (nâu) | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 29 | Lưới Inox | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 30 | Nút ống nghiệm + bình TN. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 31 | Nhiệt kế rượu | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 32 | Nhiệt kế y tế | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 33 | Ống đong 20ml. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 34 | Ống hút nhỏ giọt có đầu bóp. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 35 | Ống nghiệm 16x160 và 18x180 | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 36 | Phểu thủy tinh. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 37 | Phích nước điện hiệu SHARP | 01 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 38 | Tiêu bản nhiểm sắc thể | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 39 | Tiêu bản nhiểm sắc thể người L.12. | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 40 | Tiêu bản nhiểm sắc thể rễ hành. | 04 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 41 | Cacmin Acetic | 01 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 42 | Coban Clorua (CoCl2) | 01 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 43 | Cồn - Ethanol | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 44 | Giấy quỳ tím. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 45 | Nước cất. | 12 | Sinh học 10, 11, 12 |  |
| 46 | Xanh Methylen. | 01 | Sinh học 10, 11, 12 |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng thực hành Sinh học | 01 | Dùng trong các giờ thực hành môn Sinh và Công nghệ 10 |  |
| 2 | Phòng thực hành Vật lí | 01 | Dùng trong các giờ thực hành Công nghệ 11 và 12 |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. ***Phân phối chương trình***

*(Đính kèm**Khung kế hoạch dạy học bộ môn)*

***2. Chuyên đề lựa chọn***

*(Đính kèm Khung kế hoạch dạy học bộ môn)*

***3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt  ***(Đính kèm với Bản đặc tả trong từng đợt kiểm tra)*** | Hình thức |
| Giữa Học kỳ 1 | 45-50  phút | Tuần 8/ Tháng 10 | - Các kiến thức, kĩ năng, thái độ từ tuần 1 – 7 (HKI) | Trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45-50  phút | Tuần 16/ Tháng 12 | - Các kiến thức, kĩ năng, thái độ từ tuần 1 – 14 (HKII) | Trắc nghiệm  Hoặc  Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 45-50  phút | Tuần 8/ Tháng 3 | - Các kiến thức, kĩ năng, thái độ từ tuần 1 – 7 (HKII) | Trắc nghiệm  Hoặc  Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 45-50  phút | Tuần 15/ Tháng 5 | - Các kiến thức, kĩ năng, thái độ từ tuần 1 – 14 (HKII) | Trắc nghiệm  Hoặc  Tự luận |

***4. Tổ chức dạy học qua internet:*** Giáo viên trong tổ tiếp tục tận dụng các tài nguyên internet như Microsoft Teams trong việc kết hợp giảng dạy trực tiếp và một phần online (giao bài, tài liệu, kiểm tra đánh giá,…).

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn**

|  |  |
| --- | --- |
| Chủ đề | Tham quan hệ sinh thái ở Đà Lạt – Lâm Đồng |
| Yêu cầu cần đạt | 1. Kiến thức  - Nêu được khái niệm quần xã sinh vật.  - Mô tả được các đặc trưng cơ bản của quần xã  - Trình bày được quan hệ giữa các sinh vật trong quần xã.  - Trình bày được khái niệm diễn thế, các giai đoạn của từng loại diễn thế.  - Phân tích được nguyên nhân của diễn thế, lấy được ví dụ minh họa cho từng loại diễn thế.  2. Kĩ năng  - Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa dựa trên kiến thức thực tế địa phương.  3. Thái độ  - Nâng cao ý thức học tập bộ môn và ý thức bảo vệ các loài sinh vật trong tự nhiên.  - Nâng cao ý thức bảo vệ, khai thác hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống  4. Định hướng phát triển năng lực  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực tự học  - Năng lực hợp tác  - Năng lực giao tiếp  - Năng lực bộ môn: quan sát, phân nhóm, định nghĩa, khảo sát… |
| Số tiết | 04 |
| Thời điểm | Tháng 1/2021 |
| Địa điểm | Đà Lạt |
| Chủ trì | Thầy Phạm Ngọc Trung Dương |
| Phối hợp | Công ty du lịch |
| Đối tượng | Học sinh khối 12 |

**IV. Sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Phân công thực hiện | Thời điểm  thực hiện | Ghi chú |
| Sinh hoạt tổ chuyên môn | Tất cả các thành viên tham gia | 2 lần/tháng | Vào ngày chuyên môn tuần đầu và cuối tháng |
| Sinh hoạt chuyên môn theo NCBH | Chủ trì: Thầy Phạm Quốc Mạnh | HKII |  |
| Tiết tốt | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 1 tiết/năm (CTCĐ; Bí thư CĐGV; TrLTN; TTCM; TPCM; Phụ trách các đội tuyển (không bắt buộc, nếu thực hiện được cộng điểm theo tiêu chí thi đua) |
| Dự giờ | Tất cả thành viên | HKI hoặc HKII | Mỗi giáo viên dự 2 tiết/HK (nếu thực hiện nhiều hơn được cộng điểm theo tiêu chí thi đua) |
| Thanh tra nội bộ | - Cô Võ Thị Thu Hằng - Cô Nguyễn Hồng Thủy | HKI  HKII | Thầy Phạm Ngọc Trung Dương |

**V. Các nội dung khác:**

***1. Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số***

Giáo viên trong tổ tăng cường xây dựng và sử dụng kho học liệu số toàn ngành, ngân hàng câu hỏi trực tuyến dùng chung và đóng góp vào hệ tri thức Việt số hoá quốc gia tại địa chỉ <http://tracnghiem.itrithuc.vn/>

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, tổ chức bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực cho giáo viên về việc biên soạn và xây dụng ngân hàng câu hỏi trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triên năng lục học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn để cụ thể hoá tiêu chí 4 mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của câu hỏi kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn giáo viên sử dụng công cụ biên soạn câu hỏi trên mạng để xây dựng và sử dụng có hiẹu quả ngân hàng câu hỏi trực tuyến trong quá trình dạy học.

***2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu***

a) Bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Giáo viên phụ trách:

+ Olympic 10: Cô Phan Thị Linh Giang

+ Olympic 11: Thầy Phạm Ngọc Trung Dương

+ Học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay lớp 11: Cô Vũ Thị Thùy Vân

+ Học sinh giỏi 12: Cô Phan Thị Phú

+ Học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay lớp 12: Cô Phạm Thị Hồng Lâm

- Yêu cầu đạt được:

+ Lựa chọn đội tuyển ngày từ đầu năm học dựa vào các nguồn của năm học trước; do giáo viên bộ môn trong tổ giới thiệu; qua các bài thi tuyển;

+ Xây dựng nội dung bồi dưỡng bám sát nội dung thi của Sở Giáo dục và Đào tạo;

+ Có kế hoạch dạy tăng cường vào giai đoạn gần tổ chức kỳ thi.

+ Số học sinh giỏi, Olympic đạt giải cấp thành phố: 70%/tổng số học sinh dự thi.

b) Phụ đạo học sinh yếu: Mỗi giáo viên chủ động sàng lọc, phân loại học sinh, lập danh sách học sinh yếu kém và xây dựng kế hoạch phụ đạo.

***3. Tham gia cuộc thi, hội thi:*** Tích cực tham gia các cuộc thi do Sở Giáo dục và Đào tạo; Cụm chuyên môn VI trường tổ chức.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Phạm Ngọc Trung Dương** | *TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Hàn Thanh Tùng** |